

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 13 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	BSI	12/01/2026	42.7	2.768.600	573.453	4.83
2	BVS	12/01/2026	32.5	920.700	207.013	4.45
3	FOX	12/01/2026	70	777.800	187.643	4.15
4	ABB	12/01/2026	15.8	23.721.400	5.723.917	4.14
5	MBS	12/01/2026	28.6	14.339.300	3.486.530	4.11
6	APG	12/01/2026	10.4	947.000	246.050	3.85
7	VEA	12/01/2026	35.6	1.237.600	341.457	3.62
8	VCB	12/01/2026	72.7	21.973.100	6.181.204	3.55
9	QTP	12/01/2026	13.2	712.600	204.377	3.49
10	DCM	12/01/2026	35.3	5.198.200	1.527.620	03.04
11	AGR	12/01/2026	17.75	2.945.000	875.503	3.36
12	DTD	12/01/2026	16.8	675.800	201.963	3.35
13	ORS	12/01/2026	13.9	3.407.100	1.034.787	3.29
14	OCB	12/01/2026	12.2	6.495.200	1.977.993	3.28
15	TCX	12/01/2026	53.6	8.510.300	2.655.420	3.2
16	CTG	12/01/2026	41.5	37.246.900	12.141.603	03.07
17	DRC	12/01/2026	15	797.600	261.117	03.05
18	LAS	12/01/2026	16.5	560.300	184.033	03.04
19	TPB	12/01/2026	18.2	31.613.600	10.541.933	3
20	ACV	12/01/2026	57.2	4.303.600	1.450.473	2.97
21	GVR	12/01/2026	32.2	8.946.600	3.041.777	2.94
22	FTS	12/01/2026	34.55	3.833.700	1.325.770	2.89
23	DPM	12/01/2026	24.3	8.618.100	3.023.777	2.85
24	PVC	12/01/2026	12.2	3.777.800	1.339.587	2.82
25	HCM	12/01/2026	24.15	23.784.800	8.506.767	2.8
26	VDS	12/01/2026	17.35	2437000	877990	2.78
27	DSE	12/01/2026	24.6	912100	336610	2.71
28	BSR	12/01/2026	19.6	34088000	12632710	02.07
29	PLX	12/01/2026	42.4	9725000	3622727	2.68



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	12/01/2026	08.06	1.440.450	52.46	7.75	3.98	-0.04	0.09
2	AAS	12/01/2026	10.3	2.751.170	60.65	10.13	1.66	-0.03	0.1
3	ACV	12/01/2026	57.2	2.289.020	70.16	56.53	1.18	0.31	-1.75
4	CTS	12/01/2026	34.3	956.180	53.51	33.19	3.33	-0.88	0.08
5	DCM	12/01/2026	35.3	2.573.090	71.02	34.25	3.8	-0.1	-0.36
6	FPT	12/01/2026	99.5	7.182.280	61.39	99.35	0.15	0.5	-3.47
7	HCM	12/01/2026	24.15	9.215.770	64.57	23.66	02.08	-0.14	-0.3
8	HNG	12/01/2026	6.4	5.606.090	61.77	6.14	4.29	0.05	0.04
9	HUT	12/01/2026	16	1.181.490	47.65	15.6	2.56	-0.28	0.18
10	IDC	12/01/2026	39	1.692.780	59.52	37.19	4.87	0.13	-0.8
11	KHG	12/01/2026	6.99	12.253.620	46.7	6.64	5.33	-0.12	0.26
12	LCG	12/01/2026	10.45	1.938.910	52.59	10.04	04.05	-0.1	0.08
13	LPB	12/01/2026	42.4	2.271.250	44.23	40.01	5.97	-1.48	0.61
14	MSN	12/01/2026	78.6	5.235.490	57.41	74.1	06.07	-0.64	1.51
15	NAB	12/01/2026	15.1	1.468.130	69.67	14.33	5.39	-0.01	-0.11
16	NKG	12/01/2026	15.55	4.336.020	54.29	15.16	2.55	-0.26	0.05
17	NRC	12/01/2026	5.9	654.870	39.72	5.68	3.89	-0.1	0.35
18	NTL	12/01/2026	18.15	1.984.690	54.04	17.04	6.52	0.05	-0.19
19	OCB	12/01/2026	12.2	2.633.810	53.44	11.59	5.28	-0.16	0.16
20	OIL	12/01/2026	11.8	3.655.270	68.16	11.03	6.95	0.11	-0.08
21	SAB	12/01/2026	47	1.506.050	50.2	44.99	4.47	0.29	0.8
22	SHS	12/01/2026	20.6	18.241.200	49.34	19.27	6.92	-0.74	0.58
23	TIG	12/01/2026	8.5	640.670	58.07	8.17	04.04	0.11	-0.29
24	TNG	12/01/2026	19.4	846.550	61.49	18.49	4.91	0.02	-0.35
25	VAB	12/01/2026	10.7	645.120	53.13	10.18	5.13	-0.22	0.27
26	VC3	12/01/2026	27.5	1.003.430	53.84	26.87	2.34	-0.15	0.01
27	VHC	12/01/2026	56.8	673.060	56.02	55.01	3.25	0.06	-0.9
28	VTP	12/01/2026	114.5	656.700	72.45	107.79	6.22	1.42	-3.49

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BAF	38.05	38.8	2.909.150
2	BID	49.25	49.25	9167010
3	C69	14.9	15.7	498.770
4	CTG	41.5	43.5	18.973.060
5	DCL	46.8	48.5	736640
6	DST	11.3	11.3	273.640
7	NAF	38.45	38.5	729.920
8	PNJ	103.2	104.2	722.440
9	PPT	15.5	15.6	247.720
10	TCX	53.6	54.5	3.519.750
11	VCB	72.7	72.7	11.313.340
12	VGI	101.4	101.4	1.293.620
13	VTZ	20.1	20.2	1.574.900

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	HD6	10.7	10.2	16.060
2	ST8	4.43	4.36	122.120
3	TCO	8.38	8.14	147.990
4	TSB	23.9	23	13.700
5	VPG	4.76	4.7	188.980
6	VTD	6.2	6.1	30.500

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CLL	30.3	30.2	25.340
2	DVM	5.5	5.3	492.970
3	HD6	10.7	10.3	16.060
4	HSL	6.88	6.7	341.620
5	KHP	12.1	11.8	11.830
6	LDP	10.8	10.3	66.630
7	MHC	10.9	10.4	49.370
8	SCI	9.1	8.6	23.270
9	SHI	13.8	13.35	473.390
10	TCO	8.38	8.14	147.990
11	TSB	23.9	23	13.700
12	VEF	126.5	124	18.080
13	VTD	6.2	6.1	30.500

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	ACV	57.2	56.4	2.289.020
2	AGR	17.75	17.65	1.055.100
3	BFC	46.2	46	262050
4	CTR	102.6	95.9	627.060
5	FOX	70	67.8	377.790
6	GVR	32.2	31.6	5.337.210
7	HNG	6.4	6.4	5.606.090
8	MBB	28.2	27.45	38.516.840
9	NTP	66.6	65.36	354.220
10	PHR	62.8	62.4	883580
11	POM	6	5.5	2275640
12	QTP	13.2	13.1	320.000
13	TVN	8.5	8.2	528.520
14	VGT	14	14	1.319.580



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.3	10.13	2.751.170
2	ACV	57.2	56.53	2.289.020
3	CII	18.8	18.79	22807400
4	CTS	34.3	33.19	956.180
5	DBC	27.3	26.88	5.242.560
6	FPT	99.5	99.35	7.182.280
7	HCM	24.15	23.66	9.215.770
8	HNG	6.4	6.14	5.606.090
9	HUT	16	15.6	1.181.490
10	LDG	4	3.92	1600060
11	MBS	28.6	28.18	4613050
12	NKG	15.55	15.16	4336020
13	SHS	20.6	19.27	18241200
14	VIB	18.55	18.02	7919370

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HPG	27.5	26.67	43.478.880
2	LCG	10.45	10.34	1.938.910
3	MBS	28.6	28.04	4613050
4	MSN	78.6	77.4	5.235.490
5	ORS	13.9	13.7	1.235.440
6	SSB	17.75	17.37	2.218.230
7	SSI	32.45	30.51	27.597.930
8	SZC	30.85	30.51	650.770
9	VC3	27.5	27.39	1003430
10	VCI	35.85	34.51	10096140
11	VFS	15.9	15.75	1476580
12	VIB	18.55	18.2	7919370

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.6	7.92	1.440.450
2	AAH	3.6	3.55	604.120
3	AGG	14.6	14.38	540330
4	BVB	13.3	13.18	1.544.880
5	CTS	34.3	33.31	956.180
7	EVF	11.5	11.16	3413750
8	FTS	34.55	33.04	1746100
9	GEE	209.5	206.34	841780
10	HCM	24.15	22.78	9215770
11	HPG	27.5	26.5	43478880
12	HSG	16.3	15.8	2706880
13	IJC	11	10.84	3057500
14	LCG	10.45	10.36	1938910
15	MBS	28.6	26.4	4613050
16	MSB	12.9	12.51	7514590
17	NKG	15.55	14.97	4336020
18	OCB	12.2	11.99	2633810
19	ORS	13.9	13.32	1235440
20	SBS	6.3	6.13	1420120
21	SCR	7.49	7.49	2386210
22	SHS	20.6	20.58	18241200
23	SSB	17.75	17.41	2218230
24	STB	53.8	53.48	21786720
25	VAB	10.7	10.56	645120
26	VC3	27.5	27.1	1003430
27	VCI	35.85	34.12	10096140
28	VDS	17.35	16.93	1001540
29	VIX	22.85	22.41	42604920



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	VRE	32.6	32.96	15.124.040

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	VJC	195	196	1.854.020
2	VRE	32.6	32.76	15.124.040



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	CLL	12/01/2026	30.3	30.2	31.1	3	46.100
2	SJD	12/01/2026	14.05	13.9	14.35	3.2	58.720
3	ODE	12/01/2026	46.4	45.3	46.8	3.3	17.480
4	CHP	12/01/2026	29	28.7	29.95	4.4	42.520
5	TCL	12/01/2026	34.6	33.3	34.8	4.5	19.740
6	DSN	12/01/2026	45.4	42.95	45.65	6.3	15.540
7	DVP	12/01/2026	67.5	66.8	71.2	6.6	27.900
8	GHC	12/01/2026	29	28.5	30.5	7	7.500
9	TCW	12/01/2026	31.8	30.9	33.1	7.1	5.460
10	CLX	12/01/2026	15.8	15.3	16.4	7.2	86.880
11	TIP	12/01/2026	18.1	17.69	19.02	7.5	39.500
12	SCG	12/01/2026	63.5	62.1	66.8	7.6	22.100
13	HTG	12/01/2026	43.65	41.81	45.12	7.9	25.940
14	QTP	12/01/2026	13.2	12.3	13.3	8.1	452.600
15	NAB	12/01/2026	15.1	13.95	15.1	8.2	1.703.440
16	HMC	12/01/2026	11.65	11.25	12.2	8.4	12.100
17	SMB	12/01/2026	39.5	37.65	40.95	8.8	34.260
18	GDT	12/01/2026	19.65	18.75	20.42	8.9	24.760
19	PGC	12/01/2026	13.6	12.75	13.9	9	56.560
20	VSF	12/01/2026	24.9	24	26.2	9.2	17.700
21	PPH	12/01/2026	27.6	25.99	28.37	9.2	12640
22	D2D	12/01/2026	35	33.7	36.85	9.3	54040
23	FOC	12/01/2026	66.3	63.1	69	9.4	16400
24	VSH	12/01/2026	44.4	41.66	45.57	9.4	8960
25	MCM	12/01/2026	27.1	25.35	27.76	9.5	38060
26	TV1	12/01/2026	22.4	21.9	24	9.6	13320
27	ACC	12/01/2026	13.65	12.75	14	9.8	12300
28	NTC	12/01/2026	156.2	152.2	167.3	9.9	16040



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009